

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2018
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Thuận

2. Bà Bùi Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 26/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 63/2018/TLST- HNGĐ ngày 27/3/2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H; sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn Eo Đa, xã Thành Trục, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Th; sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn Eo Đa, xã Thành Trục, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt chị H, vắng mặt anh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2018, trong bản tự khai ngày 30/3/2018 cũng như tại phiên tòa, chị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/4/2010 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Thành Trục, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2013 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Bùi Ngọc B, sinh ngày 03/3/2010. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, vì chị đi làm có thu nhập ổn định 5.500.000đ/tháng nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

- Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập anh Th hai lần để nộp bản tự khai nhưng anh Th đều không có mặt nên không có bản tự khai của anh Th trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Bùi Văn Th không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Anh Th đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh Th đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS. Toà án cũng đã triệu tập họp lệ anh Th đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng anh Th vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh Th.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/4/2010 tại UBND xã Thành Trục, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm trong lối sống và trong sinh hoạt hằng ngày, từ đó dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Chị H và anh Th đã sống ly thân nhau từ năm 2013 đến nay không ai quan tâm đến ai. Việc này đã được các cấp chính quyền xã Thành Trục xác nhận. Nay chị H yêu cầu được ly hôn anh Th, điều đó chứng tỏ chị H và anh Th đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh Th.

[3] Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Bùi Ngọc B, sinh ngày 03/3/2010. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy, hiện tại cháu B đang ở với chị H, để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt của cháu, cũng như nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ, nên để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu B sẽ tốt cho tinh thần, sự phát triển và điều kiện học tập của cháu. Chị H có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng con mà không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[4] Về tài sản: Chị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Văn Th.
2. Về con cái: Giao con chung là cháu Bùi Ngọc B, sinh ngày 03/3/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh Th có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Bùi Thị H chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2015/0002258 ngày 22/3/2018. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H vắng mặt anh Th. Chị Hạnh có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã Thành Trục;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Anh Đức

